

Số: /2026/QĐ-UBND

Thái Nguyên, ngày tháng 6 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Quy chế thu thập, quản lý, khai thác, chia sẻ và sử dụng thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Nghị định số 73/2017/NĐ-CP ngày 14/6/2017 của Chính phủ về việc thu thập, quản lý, khai thác và sử dụng thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường;

Căn cứ Nghị định số 165/2025/NĐ-CP ngày 30/6/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Dữ liệu;

Căn cứ Nghị định số 278/2025/NĐ-CP ngày 22/10/2025 của Chính phủ về Quy định về kết nối, chia sẻ dữ liệu bắt buộc giữa các cơ quan thuộc hệ thống chính trị;

Căn cứ Thông tư số 03/2022/TT-BTNMT ngày 28/02/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường ban hành Quy định kỹ thuật và Định mức kinh tế - kỹ thuật về công tác thu nhận, lưu trữ, bảo quản và cung cấp thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2025/TT-BNNMT ngày 15/5/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định thời hạn lưu trữ hồ sơ, tài liệu lĩnh vực nông nghiệp và môi trường;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Tờ trình số 6053/TTr-SNNMT ngày 31/5/2026 và ý kiến thẩm định của Sở Tư pháp tại Báo cáo số 293/BC-STP ngày 31/5/2026;

Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quyết định ban hành Quy chế thu thập, quản lý, khai thác, chia sẻ và sử dụng thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên.

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế thu thập, quản lý, khai thác, chia sẻ và sử dụng thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 18/6/2026. Các văn bản sau hết hiệu lực kể từ ngày Quyết định này có hiệu lực thi hành:

1. Quyết định số 28/2019/QĐ-UBND ngày 21/10/2019 của UBND tỉnh Thái Nguyên về ban hành Quy chế thu thập, quản lý, khai thác, chia sẻ và sử dụng thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường của tỉnh Thái Nguyên;

2. Quyết định số 14/2020/QĐ-UBND ngày 17/9/2020 của UBND tỉnh Bắc Kạn về ban hành Quy chế thu thập, quản lý, khai thác, chia sẻ và sử dụng thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường; Thủ trưởng các sở, ban, ngành thuộc tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các phường, xã và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Nông nghiệp và Môi trường;
- Cục KTVB và Tổ chức THPL (Bộ Tư pháp);
- Thường trực: Tỉnh ủy, HĐND tỉnh;
- Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Ủy ban Mặt trận Tổ quốc tỉnh;
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Cục Chuyển đổi số, Bộ Nông nghiệp và Môi trường;
- Các Sở, ban, ngành thuộc tỉnh;
- UBND các xã, phường;
- Lãnh đạo Văn phòng UBND tỉnh;
- Trung tâm Thông tin tỉnh;
- Lưu: VT, NC, CNN&XD.

Hanhnh/6/2026

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Nguyễn Thị Loan

QUY CHẾ

Thu thập, quản lý, khai thác, chia sẻ và sử dụng thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên

(Ban hành kèm theo Quyết định số /2026/QĐ-UBND
ngày tháng 6 năm 2026 của UBND tỉnh Thái Nguyên)

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Quy chế này quy định việc thu thập, quản lý, khai thác và sử dụng thông tin, dữ liệu về đất đai, tài nguyên nước, địa chất và khoáng sản, môi trường, khí tượng thủy văn, biến đổi khí hậu, đo đạc và bản đồ, viễn thám (sau đây gọi chung là thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường);

2. Cơ chế phối hợp, kết nối, chia sẻ thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường; trách nhiệm và quyền hạn của cơ quan, tổ chức, cá nhân trong việc thu thập, quản lý, khai thác và sử dụng thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Quy chế này áp dụng đối với cơ quan nhà nước, tổ chức, cá nhân có hoạt động thu thập, quản lý, khai thác và sử dụng thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên.

Điều 3. Thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường

Thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường phải là các thông tin, dữ liệu được thu nhận và lưu trữ theo đúng quy định, bao gồm các thông tin, dữ liệu quy định tại Điều 4 Nghị định số 73/2017/NĐ-CP ngày 14/6/2017 của Chính phủ về việc thu thập, quản lý, khai thác và sử dụng thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường đã được xử lý, lưu trữ theo quy định.

Điều 4. Nguyên tắc thu thập, quản lý, khai thác và sử dụng thông tin, dữ liệu về tài nguyên và môi trường

Việc thu thập, quản lý, khai thác và sử dụng thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường phải tuân theo các nguyên tắc quy định tại Điều 5 Nghị định số 73/2017/NĐ-CP ngày 14/6/2017 của Chính phủ về việc thu thập, quản lý, khai thác và sử dụng thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường.

Điều 5. Nguyên tắc phân công, phân cấp trong thu thập, quản lý, khai thác và sử dụng thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường

Quy định rõ trách nhiệm và quyền hạn của cơ quan, tổ chức, cá nhân trong việc thu thập, quản lý, khai thác và sử dụng thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường đảm bảo đúng quy định và phù hợp với tình hình thực tế tại tỉnh Thái Nguyên nhằm phục vụ tốt công tác quản lý nhà nước và các hoạt động kinh tế, xã hội, quốc phòng, an ninh, nghiên cứu khoa học, văn hóa, giáo dục đào tạo và nâng cao dân trí.

Điều 6. Kinh phí thu thập, quản lý, khai thác và sử dụng thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường

1. Kinh phí thu thập, quản lý, khai thác và sử dụng thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường của tỉnh do ngân sách nhà nước bảo đảm và các nguồn khác theo quy định của pháp luật. Hằng năm, Ủy ban nhân dân tỉnh bố trí kinh phí thực hiện theo đúng chức năng, nhiệm vụ.

2. Phí khai thác thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường thực hiện theo quy định pháp luật về phí và lệ phí và các quy định khác có liên quan.

Điều 7. Chính sách khuyến khích

1. Nhà nước khuyến khích các tổ chức, cá nhân đầu tư cho việc thu nhận, tạo lập và cung cấp, chia sẻ thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường đúng quy định của pháp luật (Khoản 1 Điều 6 Nghị định số 73/2017/NĐ-CP ngày 14/6/2017 của Chính phủ về việc thu thập, quản lý, khai thác và sử dụng thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường).

2. Khuyến khích các tổ chức, cá nhân cung cấp, hiến tặng thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường cho cơ quan nhà nước góp phần bảo vệ chủ quyền quốc gia, phục vụ lợi ích chung của xã hội (Khoản 2 Điều 6 Nghị định số 73/2017/NĐ-CP ngày 14/6/2017 của Chính phủ về việc thu thập, quản lý, khai thác và sử dụng thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường).

Chương II

THU THẬP THÔNG TIN, DỮ LIỆU TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

Điều 8. Lập, phê duyệt kế hoạch điều tra, thu thập, cập nhật thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường và thu thập, cập nhật thông tin mô tả về thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường

1. Việc lập kế hoạch điều tra, thu thập, cập nhật thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường và thu thập, cập nhật thông tin mô tả về thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường phải bảo đảm thông tin, dữ liệu được thu thập, cập nhật chính xác, đầy đủ, có hệ thống, không trùng lặp, chồng chéo, phục vụ kịp thời công tác quản lý nhà nước, đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh.

2. Các Sở, ban, ngành của tỉnh, UBND các xã, phường trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ được giao xác định thông tin, dữ liệu cần thu thập, cập nhật, xây dựng kế hoạch thu thập, cập nhật thông tin, dữ liệu gửi Sở Nông nghiệp và Môi trường trước ngày 15 tháng 9 hằng năm để tổng hợp, lập kế hoạch theo quy chế này.

3. Sở Nông nghiệp và Môi trường có trách nhiệm tổng hợp kế hoạch của các Sở, ban, ngành, UBND cấp xã, lập kế hoạch thu thập, cập nhật thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường hằng năm của tỉnh, trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt trước ngày 15 tháng 10 hằng năm.

Điều 9. Thực hiện kế hoạch điều tra, thu thập, cập nhật thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường và thu thập, cập nhật thông tin mô tả về thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường

1. Sở Nông nghiệp và Môi trường có trách nhiệm triển khai thực hiện kế hoạch điều tra, thu thập, cập nhật thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường và thu thập, cập nhật thông tin mô tả về thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường hằng năm.

2. Các Sở, ban, ngành thuộc tỉnh, UBND cấp xã trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ được giao, triển khai kế hoạch thu thập thông tin, dữ liệu tài nguyên môi trường hằng năm được phê duyệt của đơn vị mình.

3. Việc thu thập, cập nhật thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường và thu thập, cập nhật thông tin mô tả về thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường phải tuân thủ đúng các quy định, quy trình, tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, định mức kinh tế - kỹ thuật về thu thập, cập nhật thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường. Nội dung thông tin, dữ liệu thu thập, cập nhật phải phù hợp, chính xác, kịp thời, hiệu quả.

4. Đối với cơ sở dữ liệu tài nguyên và môi trường thành phần thuộc các lĩnh vực quản lý đất đai, tài nguyên nước, môi trường, địa chất và khoáng sản, khí tượng thủy văn và biến đổi khí hậu, đo đạc và bản đồ, viễn thám và các thông tin, dữ liệu chuyên ngành khác về tài nguyên và môi trường do các đơn vị thuộc Sở Nông nghiệp và Môi trường xây dựng, thu thập được phải giao nộp cho Trung tâm Khuyến nông và Môi trường để tích hợp vào cơ sở dữ liệu tài nguyên và môi trường cấp tỉnh.

5. Hình thức thu thập thông tin, dữ liệu: tiếp nhận trực tiếp hoặc các hình thức khác theo kế hoạch được lập hằng năm.

6. Trung tâm Khuyến nông và Môi trường thuộc Sở Nông nghiệp và Môi trường có trách nhiệm tiếp nhận, xử lý, số hóa thông tin, dữ liệu thu thập được và các thông tin, dữ liệu khác từ cơ sở dữ liệu tài nguyên và môi trường ngành, cơ sở dữ liệu tài nguyên và môi trường cấp xã để tích hợp vào cơ sở dữ liệu tài nguyên và môi trường cấp tỉnh theo quy định.

Điều 10. Kiểm tra, đánh giá xử lý thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường

1. Thông tin, dữ liệu về tài nguyên và môi trường sau khi thu thập phải được phân loại, tổng hợp, xử lý, đánh giá khả năng khai thác, sử dụng. Việc kiểm tra, đánh giá, xử lý thông tin, dữ liệu phải tuân theo các quy định, quy chuẩn kỹ thuật đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành, phê duyệt.

2. Các Sở, ban, ngành thuộc tỉnh, UBND cấp xã, có trách nhiệm kiểm tra, đánh giá, xử lý thông tin, dữ liệu, chịu trách nhiệm về tính chính xác của thông tin, dữ liệu của mình. Sở Nông nghiệp và Môi trường kiểm tra, đánh giá, xử lý thông tin, dữ liệu cấp tỉnh khi tiếp nhận, thu thập vào cơ sở dữ liệu tài nguyên và môi trường cấp tỉnh.

3. Tất cả các thông tin, dữ liệu thu thập được phải biên tập, chỉnh sửa, sắp xếp bảo đảm tính chính xác, tin cậy, thống nhất, an toàn của thông tin, dữ liệu.

Điều 11. Giao nhận thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường

1. Thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường khi giao nhận phải được lập thành biên bản và lưu vào hồ sơ theo Quy chế này. Biên bản giao nộp thông tin, dữ liệu cho. Trung tâm Khuyến nông và Môi trường thuộc Sở Nông nghiệp và Môi trường là một trong những cơ sở để xác định hoàn thành công trình, dự án hoặc nhiệm vụ được giao.

2. Tổ chức, cá nhân trong quá trình thực hiện nhiệm vụ được giao sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước hoặc có nguồn gốc từ ngân sách nhà nước để thu thập, tạo lập thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường của tỉnh có trách nhiệm giao nộp cho Sở Nông nghiệp và Môi trường (qua Trung tâm Khuyến nông và Môi trường) 01 (một) bộ dữ liệu đúng theo chuẩn dữ liệu chuyên môn đã được Bộ Nông nghiệp và Môi trường ban hành.

Chương III

TỔ CHỨC, QUẢN LÝ THÔNG TIN, DỮ LIỆU TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

Điều 12. Bảo quản, lưu trữ thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường

1. Việc bảo quản, lưu trữ và tu bổ thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường phải tuân theo quy định của pháp luật về lưu trữ, các quy định, quy trình và quy chuẩn kỹ thuật chuyên ngành.

2. Tất cả các thông tin, dữ liệu thu thập được phải được phân loại, đánh giá, xử lý để có hình thức, biện pháp bảo quản, lưu trữ, bảo vệ phù hợp, bảo đảm an toàn và kéo dài tuổi thọ cho thông tin, dữ liệu, tài liệu nhằm phục vụ được tốt các yêu cầu khai thác, sử dụng.

3. Trung tâm Khuyến nông và Môi trường thuộc Sở Nông nghiệp và Môi trường có trách nhiệm lưu trữ thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường của cơ sở dữ liệu tài nguyên và môi trường tỉnh.

Điều 13. Xây dựng cơ sở dữ liệu tài nguyên và môi trường

1. Cơ sở dữ liệu tài nguyên và môi trường của tỉnh là tập hợp thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường đã được kiểm tra, đánh giá và tổ chức quản lý, lưu trữ một cách có hệ thống được xây dựng, cập nhật và duy trì phục vụ quản lý nhà nước và các hoạt động kinh tế, xã hội, quốc phòng, an ninh, nghiên cứu khoa học, giáo dục đào tạo và nâng cao dân trí do Bộ Nông nghiệp và Môi trường xây dựng, lưu trữ, quản lý

2. Cơ sở dữ liệu tài nguyên và môi trường của tỉnh phải phù hợp với Khung kiến trúc số Bộ Nông nghiệp và Môi trường và Kiến trúc Chính quyền số tỉnh Thái Nguyên.

3. Cơ sở dữ liệu tài nguyên và môi trường của tỉnh được xây dựng và kết nối, chia sẻ trên môi trường điện tử phục vụ quản lý, khai thác, cung cấp, sử dụng thông tin, dữ liệu thuận tiện, hiệu quả.

4. Cơ sở dữ liệu tài nguyên và môi trường của tỉnh phải đáp ứng khung cơ sở dữ liệu, các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật về công nghệ thông tin và chuyên ngành.

5. Việc xây dựng, quản lý, vận hành, khai thác hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu chuyên ngành cụ thể thực hiện theo quy định của pháp luật đối với hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu chuyên ngành.

Điều 14. Vận hành, cập nhật cơ sở dữ liệu tài nguyên và môi trường

Sở Nông nghiệp và Môi trường có trách nhiệm:

1. Xây dựng các quy trình nghiệp vụ, kiểm soát để vận hành, duy trì cơ sở dữ liệu tài nguyên và môi trường.

2. Xây dựng kế hoạch, bố trí kinh phí bảo đảm thường xuyên, liên tục, định kỳ cập nhật nội dung cơ sở dữ liệu tài nguyên và môi trường.

3. Xây dựng và thực hiện các giải pháp đồng bộ bảo đảm cơ sở dữ liệu tài nguyên và môi trường có hiệu suất vận hành và sẵn sàng đáp ứng cao.

4. Xây dựng và thực hiện các giải pháp về sao lưu, dự phòng bảo đảm tính nguyên vẹn, an toàn của cơ sở dữ liệu. Trong trường hợp thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường hư hỏng, bị phá hủy do các hành vi trái phép phải có cơ chế bảo đảm phục hồi được thông tin, dữ liệu. Cụ thể:

a) Thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường phải được định kỳ 03 (ba) tháng 01 (một) lần sao chép và lưu trữ theo quy định.

b) Thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường phải được lưu trữ bản dự phòng ít nhất 06 (sáu) tháng 01 (một) lần. Bản dự phòng có thể khôi phục được trong trường hợp có sự cố hỏng hóc thiết bị một cách khách quan.

c) Thông tin, dữ liệu lưu giữ trong cơ sở dữ liệu tài nguyên và môi trường phải được sao chép vào đĩa cứng, đĩa quang (CD, DVD), băng từ theo định kỳ và lưu trữ theo quy trình kỹ thuật, bảo mật và an toàn theo quy định hiện hành của pháp luật.

d) Định kỳ 03 (ba) tháng 01 (một) lần phải kiểm tra và bảo đảm an toàn hệ thống thông tin điện tử.

Điều 15. Bảo đảm an toàn và bảo mật thông tin

1. Sở Nông nghiệp và Môi trường là cơ quan chủ quản cơ sở dữ liệu tài nguyên và môi trường, chịu trách nhiệm bảo đảm an toàn và bảo mật thông tin, có các biện pháp tổ chức, quản lý vận hành, nghiệp vụ và kỹ thuật nhằm bảo đảm an toàn, bảo mật dữ liệu, an toàn máy tính và an ninh mạng.

2. Cơ sở dữ liệu tài nguyên và môi trường phải được phân loại theo cấp độ an toàn hệ thống thông tin, đáp ứng yêu cầu theo tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật theo quy định của pháp luật về an toàn thông tin mạng.

3. Đơn vị chuyên trách về công nghệ thông tin thuộc cơ quan chủ quản làm nhiệm vụ bảo đảm an toàn cơ sở dữ liệu, thực hiện kiểm tra, đánh giá an toàn thông tin, quản lý rủi ro và các biện pháp phù hợp để bảo đảm an toàn thông tin.

4. Việc in, sao, chụp, vận chuyển, giao nhận, truyền thông tin, dữ liệu, tài liệu, lưu giữ, bảo quản, cung cấp thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường thuộc phạm vi bí mật nhà nước phải tuân theo quy định về bảo vệ bí mật nhà nước.

Chương IV

KHAI THÁC VÀ SỬ DỤNG THÔNG TIN, DỮ LIỆU TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

Điều 16. Công bố danh mục thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường

1. Danh mục thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường được công bố trên trang thông tin điện tử Sở Nông nghiệp và Môi trường, Cổng thông tin điện tử của tỉnh, các ấn phẩm chuyên môn. Việc công bố danh mục thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường phải tuân thủ theo các quy định về bảo vệ bí mật nhà nước trong lĩnh vực tài nguyên và môi trường và theo quy định của Luật Tiếp cận thông tin, Luật Phòng chống tham nhũng.

2. Sở Nông nghiệp và Môi trường xây dựng danh mục thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường trình Ủy ban nhân dân tỉnh công bố theo quy định tại khoản 2 Điều 15 Nghị định số 73/2017/NĐ-CP ngày 14/6/2017 của Chính phủ về việc thu thập, quản lý, khai thác và sử dụng thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường.

Điều 17. Hình thức, thủ tục khai thác và sử dụng thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường

Việc khai thác và sử dụng thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường thực hiện theo quy định tại Điều 16 Nghị định số 73/2017/NĐ-CP ngày 14/6/2017 của Chính phủ về việc thu thập, quản lý, khai thác và sử dụng thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường.

Điều 18. Trách nhiệm của tổ chức, cá nhân khai thác và sử dụng thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường

Thực hiện theo quy định tại Điều 20 Nghị định số 73/2017/NĐ-CP ngày 14/6/2017 của Chính phủ về việc thu thập, quản lý, khai thác và sử dụng thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường.

Chương V

KẾT NỐI, CHIA SẺ THÔNG TIN, DỮ LIỆU TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG TRÊN MÔI TRƯỜNG ĐIỆN TỬ

Điều 19. Nguyên tắc kết nối, chia sẻ thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường giữa các Bộ, ngành và Ủy ban nhân dân tỉnh; giữa các cơ quan, tổ chức có liên quan

Kết nối, chia sẻ thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường giữa các Bộ, ngành và Ủy ban nhân dân tỉnh; giữa các cơ quan, tổ chức có liên quan trên nguyên tắc:

1. Kết nối, chia sẻ, sử dụng thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường theo quy định của pháp luật.
2. Bảo đảm việc tiếp cận thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường phục vụ kịp thời cho việc đánh giá, dự báo, hoạch định chiến lược, chính sách, xây dựng kế hoạch, tăng cường hiệu lực, hiệu quả công tác quản lý nhà nước và đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh.
3. Bảo đảm việc trao đổi, cung cấp thông tin, dữ liệu được thông suốt, kịp thời, đáp ứng các yêu cầu quy định của pháp luật về an toàn, an ninh thông tin mạng, các quy định về đảm bảo an toàn hệ thống thông tin theo cấp độ đối với hệ thống thông tin kết nối với cơ sở dữ liệu quốc gia.
4. Phù hợp với Khung kiến trúc số Bộ Nông nghiệp và Môi trường và Kiến trúc Chính quyền số tỉnh Thái Nguyên.

Điều 20. Phối hợp kết nối, chia sẻ thông tin, dữ liệu giữa các cơ sở dữ liệu tài nguyên và môi trường

1. Sở Nông nghiệp và Môi trường có trách nhiệm:

Hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện về kết nối, chia sẻ, sử dụng thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường trên môi trường điện tử.

2. Các Sở, ban, ngành, UBND cấp xã trong phạm vi quản lý liên quan đến thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường có trách nhiệm:

a) Chủ trì kết nối, chia sẻ thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường trên môi trường điện tử do cơ quan quản lý với các Sở, ban, ngành và địa phương theo quy định.

b) Sở Tài chính có trách nhiệm tham mưu bố trí kinh phí phục vụ hoạt động của hệ thống thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường trên môi trường điện tử; Sở Tài chính có trách nhiệm chủ trì Sở Nông nghiệp và Môi trường tổng hợp các chỉ tiêu phát triển kinh tế - xã hội và các dự án đầu tư (nếu có) sử dụng ngân sách nhà nước để duy trì, nâng cấp hoạt động của hệ thống thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường vào Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và Kế hoạch đầu tư xây dựng cơ bản hằng năm của tỉnh trình cấp có thẩm quyền quyết định theo quy định.

c) Sở Khoa học và Công nghệ có trách nhiệm tổ chức hướng dẫn, giám sát việc kết nối, chia sẻ thông tin, dữ liệu giữa các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu tài nguyên và môi trường trên môi trường điện tử đảm bảo tuân thủ theo đúng quy định của pháp luật.

3. Ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm kết nối, chia sẻ thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường trên môi trường điện tử do cơ quan quản lý với các phòng, cơ quan chuyên môn và địa phương khác theo quy định.

Điều 21. Kết nối, tích hợp thông tin, số liệu quan trắc tài nguyên và môi trường trên môi trường điện tử

1. Thông tin, dữ liệu quan trắc tài nguyên và môi trường bao gồm thông tin, dữ liệu thời gian thực và thông tin, dữ liệu có độ trễ về thời gian (phải qua các bước phân tích, xử lý). Thông tin, dữ liệu quan trắc tài nguyên và môi trường có ý nghĩa rất quan trọng đối với ứng phó, xử lý kịp thời trong công tác quản lý tài nguyên, bảo vệ môi trường và phòng chống thiên tai, thảm họa.

2. Thông tin, dữ liệu quan trắc tài nguyên và môi trường, đặc biệt là thông tin dữ liệu thời gian thực từ nguồn ngân sách nhà nước hoặc bắt buộc quan trắc theo quy định của pháp luật phải được thu nhận, tích hợp và chia sẻ, cung cấp kịp thời cho các cơ quan, tổ chức có chức năng, phục vụ dân sinh, phát triển kinh tế, xã hội, an ninh, quốc phòng.

3. Giao Sở Nông nghiệp và Môi trường thu thập, thu nhận, quản lý, cung cấp thông tin, số liệu quan trắc tài nguyên và môi trường theo thẩm quyền quản lý; cung cấp, tích hợp thông tin, dữ liệu quan trắc tài nguyên và môi trường về cơ sở dữ liệu quốc gia do Bộ Nông nghiệp và Môi trường quản lý; sử dụng thông tin, dữ liệu trong cơ sở dữ liệu quốc gia về quan trắc tài nguyên và môi trường theo quy định của pháp luật.

Chương VI

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 22. Trách nhiệm quản lý nhà nước về thu thập, quản lý, khai thác và sử dụng thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường

1. Sở Nông nghiệp và Môi trường chịu trách nhiệm trước Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện chức năng quản lý nhà nước về thu thập, quản lý, khai thác và sử dụng thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường.

a) Sở Nông nghiệp và Môi trường quy định chức năng, nhiệm vụ và phân công cụ thể cho đơn vị trực thuộc thực hiện thu thập, quản lý, cung cấp thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường theo thẩm quyền (được quy định tại khoản 1 Điều 8 Quy chế này).

b) Định kỳ hằng năm gửi báo cáo công tác thu thập, quản lý, khai thác và sử dụng thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường cho Bộ Nông nghiệp và Môi trường.

c) Tham mưu cho Ủy ban nhân dân tỉnh kiểm tra, xem xét, xử lý các đơn vị, tổ chức, cá nhân vi phạm các quy định về thu thập, quản lý, khai thác, chia sẻ và sử dụng thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường của tỉnh.

2. Các Sở, ban, ngành chịu trách nhiệm trước Ủy ban nhân dân tỉnh về thu thập, quản lý, khai thác và sử dụng thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường do đơn vị mình quản lý.

Các Sở, ban, ngành quy định chức năng, nhiệm vụ và phân công cho các đơn vị trực thuộc cụ thể về thu thập, quản lý, cung cấp thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường theo chức năng nhiệm vụ và thẩm quyền quy định.

3. Ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm tổ chức, chỉ đạo các cơ quan quản lý thực hiện thu thập, quản lý, lưu trữ, cung cấp và sử dụng nguồn thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường do đơn vị mình quản lý.

Điều 23. Trách nhiệm của tổ chức, cá nhân thu thập, cung cấp thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường

1. Thông báo với Sở Nông nghiệp và Môi trường về việc cung cấp thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường theo Mẫu số 01 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 73/2017/NĐ-CP ngày 14/6/2017 của Chính phủ về việc thu thập, quản lý, khai thác và sử dụng thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường.

2. Tuân thủ quy định của pháp luật về thu thập, tạo lập và cung cấp thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường cho tổ chức, cá nhân có nhu cầu khai thác, sử dụng.

3. Bảo đảm tính trung thực, chính xác của thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường.

4. Định kỳ trước ngày 15 tháng 12 hằng năm gửi báo cáo về công tác thu thập, cung cấp thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường cho Sở Nông nghiệp và Môi trường để tổng hợp báo cáo Bộ Nông nghiệp và Môi trường theo Mẫu số 05 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 73/2017/NĐ-CP ngày 14/6/2017 của Chính phủ về việc thu thập, quản lý, khai thác và sử dụng thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường.

Điều 24. Công tác kiểm tra

Công tác kiểm tra việc thực hiện quy định về thu thập, quản lý, khai thác, chia sẻ và sử dụng thông tin, dữ liệu về tài nguyên và môi trường được tiến hành thường xuyên và định kỳ.

Trường hợp cần thiết theo yêu cầu của công tác quản lý hoặc có dấu hiệu vi phạm Quy chế này, Sở Nông nghiệp và Môi trường đề xuất, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh kiểm tra đột xuất về công tác thu thập, quản lý, khai thác và sử dụng thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường tại đơn vị, địa phương đó.

Điều 25. Xử lý vi phạm

Tổ chức, cá nhân có hành vi chiếm giữ, tiêu huỷ trái phép, làm hư hỏng thông tin, dữ liệu về tài nguyên và môi trường; khai thác, sử dụng thông tin, dữ liệu về tài nguyên và môi trường trái với quy chế này thì tùy theo tính chất, mức độ vi phạm mà bị xử lý hành chính hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự theo quy định của pháp luật; trường hợp gây ra thiệt hại thì phải bồi thường.

Điều 26. Giải quyết khiếu nại, tố cáo

1. Sở Nông nghiệp và Môi trường, các Sở, ban, ngành; Ủy ban nhân dân cấp xã theo chức năng, nhiệm vụ của mình có trách nhiệm tiếp nhận, giải quyết các tranh chấp trong thu thập, quản lý, khai thác và sử dụng thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường.

2. Việc giải quyết khiếu nại, tố cáo về thu thập, quản lý, khai thác và sử dụng thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường thực hiện theo quy định của pháp luật về khiếu nại, tố cáo và Quy chế này.

Điều 27. Tổ chức thực hiện

1. Giao Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường chịu trách nhiệm hướng dẫn, theo dõi, kiểm tra, đánh giá việc thực hiện Quy chế này.

2. Thủ trưởng các Sở, ban, ngành, cơ quan, đơn vị thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch UBND cấp xã trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của mình chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện Quy chế này.

3. Trong quá trình thực hiện Quy chế này, nếu có vướng mắc các tổ chức, cá nhân phản ánh kịp thời về Sở Nông nghiệp và Môi trường để tổng hợp, nghiên cứu, trình Ủy ban nhân dân tỉnh sửa đổi, bổ sung cho phù hợp./.